

4. Chế độ miễn giảm giá cước đối với hành khách không áp dụng đối với xe ô-tô vận tải kết hợp chở khách khi chạy rỗng.

5. Các công ty, xí nghiệp có xe kết hợp chở khách được in và phát hành vé theo mẫu thống nhất do Cục vận tải ô-tô (Bộ Giao thông vận tải) hướng dẫn đồng thời phải có kế hoạch quản lý vé chặt chẽ như tiền bạc theo chế độ quản lý và hạch toán vé xe ô-tô hiện hành.

6. Tiền cước thu được và các chi phí có liên quan đến việc tổ chức kết hợp chở khách cần phải hạch toán riêng.

Nội dung chi gồm có:

a) Chi phí về đại lý bán vé, lệ phí đỗ bến (nếu có) và bồi dưỡng cho lái xe và những người có công gom khách khoảng 40% doanh thu và thanh toán ngay cho lái xe sau mỗi chuyến xe đã hoàn thành nhiệm vụ.

b) Chi phí về in vé, giấy tờ, về tu bổ tiện nghi phục vụ hành khách, v.v...

c) Trích một tỷ lệ nhất định để giảm giá thành vận chuyển hàng hóa do có việc kết hợp chở khách (khoảng 15%).

Sau khi lấy tổng số thu về cước vận chuyển kết hợp trừ các khoản chi phí nói trên, số tiền còn lại đưa vào doanh thu vận tải của công ty, xí nghiệp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để thực hiện tốt thông tư này, liên Bộ Giao thông vận tải — Nội vụ yêu cầu:

— Các công ty, xí nghiệp vận tải ô-tô công cộng của ngành giao thông vận tải cần phải chú ý lựa chọn những người lái xe và xe có đủ điều kiện để giao nhiệm vụ. Thường xuyên giáo dục nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tôn trọng luật lệ giao thông vận tải, bảo vệ tính mệnh

và tài sản của nhân dân cho những người lái xe. Phải kiểm tra chặt chẽ các điều kiện an toàn của xe trước khi giao nhiệm vụ cho lái xe và phải chịu trách nhiệm về những tai nạn do xe của đơn vị mình gây ra.

— Các Sở giao thông vận tải và công an các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương có nhiệm vụ phối hợp thường xuyên theo dõi, kiểm tra, kịp thời uốn nắn những thiếu sót trong quá trình thực hiện thông tư này, nghiêm khắc xử lý những trường hợp cố ý vi phạm.

Cục vận tải ô-tô và Cục cảnh sát giao thông đường bộ có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ để hướng dẫn và chỉ đạo việc thực hiện thông tư này.

Thông tư này được thi hành từ ngày ký.

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 1983

K.T. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Thứ trưởng

NGUYỄN ĐÌNH DOãn

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thứ trưởng

TRẦN QUYẾT

ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
NHÀ NƯỚC

QUYẾT ĐỊNH số 175-QĐ ngày
15-6-1983 ban hành ba tiêu
chuẩn Nhà nước.

CHỦ NHIỆM

ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
NHÀ NƯỚC

Căn cứ nghị định số 141-HĐBT ngày 24-8-1982 của Hội đồng bộ trưởng ban hành Điều lệ về công tác tiêu chuẩn hóa;

Xét đề nghị của Tổng cục Kỹ thuật Bộ Quốc phòng trong công văn số 3032-KT ngày 26-11-1981.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành các tiêu chuẩn Việt Nam :

TCVN 3790 — 83. Nhiên liệu. Phương pháp xác định áp suất hơi bão hòa.

TCVN 3791 — 83. Xăng. Phương pháp xác định chu kỳ cảm ứng.

TCVN 3792—83. Mỡ đặc. Phương pháp xác định giới hạn bền.

Điều 2. — Các tiêu chuẩn trên ban hành để chính thức áp dụng, có hiệu lực từ ngày 1-7-1984 và phải được nghiêm chỉnh chấp hành trong tất cả các ngành, các địa phương có liên quan.

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 1983

K.T. Chủ nhiệm

Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước

Phó chủ nhiệm

ĐOÀN PHƯƠNG

QUYẾT ĐỊNH số 178-QĐ ngày 16-6-1983 ban hành mười ba tiêu chuẩn Nhà nước.

CHỦ NHIỆM

ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
NHÀ NƯỚC

Căn cứ nghị định số 141-HĐBT ngày 24-8-1982 của Hội đồng bộ trưởng ban hành Điều lệ về công tác tiêu chuẩn hóa ;

Xét đề nghị của Tổng cục hóa chất trong công văn số 578-HC/KT5 ngày 4-10-1982,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.— Nay ban hành các tiêu chuẩn Việt Nam :

TCVN 3793—83. Natri hidroxit kỹ thuật. Yêu cầu kỹ thuật ;

TCVN 3794—83. Natri hidroxit kỹ thuật. Phương pháp lấy mẫu ;

TCVN 3795—83. Natri hidroxit kỹ thuật. Phương pháp xác định hàm lượng natri hidrôxit, tổng lượng bazơ và natri cacbonat ;

TCVN 3796—83. Natri hidroxit kỹ thuật. Phương pháp xác định hàm lượng natri clorua ;

TCVN 3797—83. Natri hidroxit kỹ thuật. Phương pháp so màu xác định hàm lượng sắt ;

TCVN 3798—83. Natri hidroxit kỹ thuật. Phương pháp xác định hàm lượng natri clorat ;

TCVN 3799—83. Natri hidroxit kỹ thuật. Phương pháp xác định hàm lượng natri sunfat ;

TCVN 3800—83. Natri hidrôxit kỹ thuật. Phương pháp phức chất xác định tổng hàm lượng canxi và magiê ;

TCVN 3801—83. Natri hidroxit kỹ thuật. Phương pháp xác định hàm lượng kim loại nặng tính chuyển ra chì ;

TCVN 3802—83. Natri hidroxit kỹ thuật. Phương pháp so màu xác định hàm lượng axit silixic ;

TCVN 3803—83. Natri hidroxit kỹ thuật. Phương pháp so màu xác định hàm lượng nhôm ;